

BÁO CÁO
Kết quả công tác năm 2022
và chương trình công tác năm 2023

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại văn bản số 7222/BTNMT-VP ngày 29/11/2022 về việc chuẩn bị nội dung phục vụ Hội nghị tổng kết công tác năm 2022 của ngành Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường kính báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2023, cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2022

I. Công tác rà soát và tham mưu ban hành văn bản QPPL

Triển khai Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam về Ban hành các Kế hoạch công tác tư pháp năm 2022, Sở ban hành Kế hoạch số 354/KH-STNMT ngày 18/2/2022 về công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL trên các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường năm 2022. Trên cơ sở kiểm tra, rà soát các văn bản QPPL quản lý của ngành và thực tế về công tác quản lý, trong năm 2022 Sở đã tham mưu ban hành 10¹ VBQPPL.

¹ Quyết định số 38/2021/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 17/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định giá dịch vụ đo đạc lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam; Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 Sửa đổi, bổ sung giá đất, bảng giá đất thời kỳ 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam tại 15/18 phụ lục bảng giá đất của 15/18 huyện, thị xã, thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam; Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 21/4/2022 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 Quy định hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Quyết định số 26/2022/QĐ-UBND ngày 12/9/2022 về việc quy định giá dịch vụ đo đạc lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (không bao gồm phí, lệ phí) trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 Ban hành Quy định việc rà soát, công bố công khai danh mục các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý; việc lấy ý kiến người dân và công khai việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp tại địa phương để sử dụng vào mục đích công cộng hoặc giao, cho thuê cho người sử dụng đất liền kề trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh; Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 24/10/2022 Ban hành Quy định về công tác quản lý, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

II. Công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số

Trong năm 2022, Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành 10² văn bản về kế hoạch, định hướng, cụ thể hóa các văn bản của cấp trên; ban hành 05³ văn bản đơn đốc, chỉ đạo các phòng, đơn vị Sở triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Sở và cơ quan cấp trên giao. Công tác kiểm tra cải cách hành chính, kiểm tra công vụ đối với đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý được Sở quan tâm chỉ đạo. Qua đó, Sở đã ban hành Kế hoạch số 774/KH-STNMT ngày 08/4/2022 về kiểm tra công tác cải cách hành chính đối với các phòng, đơn vị thuộc Sở; ban hành Quyết định số 219/QĐ-STNMT ngày 13/4/2022 về việc thành lập Đoàn Kiểm tra công tác CCHC năm 2022 và kiểm tra công vụ đối với các phòng, đơn vị trực thuộc Sở.

Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện tham gia diễn đàn “Nhân dân góp ý xây dựng cán bộ, viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai cấp huyện” tại các huyện, thị xã, thành phố: Tam Kỳ, Hội An, Điện Bàn, Duy Xuyên, Thăng Bình, Đại Lộc, Quế Sơn và Hiệp Đức. Việc tổ chức đối thoại, bước đầu đã đem lại hiệu quả thiết thực, thông qua trao đổi trực tiếp hai chiều, thỏa mãn được tâm tư nguyện vọng của nhân dân, đồng thời qua đó Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục hoàn thiện củng cố về tổ chức, nâng cao năng lực cán bộ, triển khai công tác quản lý của ngành ngày càng tốt hơn.

Kịp thời tham mưu UBND tỉnh công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của ngành⁴. Tham mưu UBND tỉnh xem xét ủy quyền cho Sở

² Quyết định số 33/QĐ-STNMT ngày 11/01/2022 kèm theo Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022; Quyết định số 764/QĐ-STNMT ngày 22/12/2021 kèm theo Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 376/KH-STNMT ngày 22/02/2022 về Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 505/KH-STNMT ngày 09/3/2022 tuyên truyền Cải cách hành chính và công tác tài nguyên, môi trường năm 2022; Kế hoạch số 193/KH-STNMT ngày 24/01/2022 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 33/NQ-HĐND về Đề án “Phát triển ứng dụng Công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 203/QĐ-STNMT ngày 06/4/2022 ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022; Quyết định số 357/QĐ-STNMT ngày 08/6/2022 về Thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ Giúp việc Chuyển đổi số Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam; Kế hoạch số 2111/KH-STNMT ngày 09/9/2022 Cải thiện và nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam năm 2022; Kế hoạch số 2972/KH-STNMT ngày 09/12/2022 Triển khai thực hiện Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ, Kế hoạch số 7781/KH-UBND ngày 24/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Kế hoạch số 2973/KH-STNMT ngày 09/12/2022 Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

³ Công văn số 357/STNMT-VP ngày 21/02/2022 về việc đề nghị các phòng, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực; Công văn số 485/STNMT-VP ngày 08/3/2022 về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ về cải cách hành chính năm 2022; Công văn số 1347/STNMT-VP ngày 15/6/2022 đề nghị Lãnh đạo các phòng, đơn vị thuộc Sở rà soát quy trình, vướng mắc trong giải quyết TTHC; Công văn số 1891/STNMT-VP ngày 12/8/2022 đề nghị các phòng, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện Thông báo số 273/TB-UBND ngày 27/7/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam; Công văn số 2555/STNMT-VP ngày 27/10/2022 về việc thực hiện tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

⁴ Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 13/01/2022 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế lĩnh vực đất đai; Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam; Quyết định số 3233/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh bị bãi bỏ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường; sửa đổi Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 01/4/2022, Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh. Đồng thời tham

Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 24/01/2022; TTHC về lĩnh vực tài nguyên nước, khoáng sản tại quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 12/01/2022; TTHC thuộc lĩnh vực môi trường tại Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 và TTHC về lĩnh vực tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, đất đai, khoáng sản tại quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 18/5/2022; ban hành Công văn số 358/STNMT-VP ngày 21/02/2022 đề nghị việc ủy quyền và không ủy quyền giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; công văn số 2638/STNMT-VP ngày 08/11/2022 về việc đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến tích hợp trên Công DVC quốc gia.

Rà soát, đăng ký 25 TTHC cắt giảm ít nhất 10% thời gian giải quyết so với quy định; 09 TTHC thực hiện trả kết quả ngay trong ngày đã được phê duyệt tại Quyết định số 2687/QĐ-UBND, 2688/QĐ-UBND ngày 07/10/2022; tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 về việc công bố Danh sách thủ tục hành chính giảm 50% phí, lệ phí giải quyết thông qua DVC trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Tổ chức ký kết Hợp đồng số 31/2022/STNMT-BĐTK ngày 01/8/2022 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với Bưu điện thành phố Tam Kỳ về cung cấp dịch vụ tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công qua hệ thống Bưu điện.

Phối hợp với Sở Thông tin - Truyền thông điều chỉnh quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính của Lãnh đạo Sở; điều chỉnh quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và giải quyết công việc trên hệ thống Q-office của Chi cục Quản lý đất đai theo phân công nhiệm vụ mới của Ban Giám đốc Sở; điều chỉnh quy trình điện tử tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên, môi trường từ cán bộ Sở Tài nguyên và Môi trường sang cán bộ Bưu điện thành phố Tam Kỳ; phối hợp kiểm tra nội dung hỏi/trả lời trên hệ thống chatbot Tổng đài 1022 Quảng Nam trên zalo, facebook và điều chỉnh, bổ sung danh mục TTHC của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Ban hành Kế hoạch số 193/KH-STNMT ngày 24/01/2022 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 33/NQ-HĐND về Đề án “Phát triển ứng dụng Công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường; ban hành công văn số 1793/STNMT-VPĐK ngày 03/8/2022; công văn số 2243/STNMT-VPĐK ngày 21/9/2022 về việc thực hiện phân hệ quản lý giao dịch điện tử hồ sơ đất đai trên địa bàn thành phố Tam Kỳ, Hiệp Đức.

Đề nghị Sở Nội vụ thẩm định danh mục kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực phải thực hiện số hóa, được Sở Nội vụ thống nhất tại Công văn số 615/SNV-

VTLT ngày 22/3/2022; Công văn số 2051/SNV-VTLT ngày 07/10/2022, theo đó có 74 TTHC

Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam xây dựng và ban hành Kế hoạch số 433/KH-VPĐKĐĐ ngày 25/5/2022 về thực hiện nhiệm vụ Xây dựng Cơ sở dữ liệu nền địa lý; Thử nghiệm giải pháp Cổng thông tin địa lý chia sẻ dữ liệu dùng chung tỉnh Quảng Nam; Công văn số 963/VPĐKĐĐ-CNTT ngày 07/10/2022 của Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam về việc đào tạo, vận hành phân hệ địa chính (Cadas) thuộc hệ thống thông tin đất đai VNPT iLIS; công văn số 1143/VPĐKĐĐ-CNTT ngày 24/11/2022 về việc triển khai vận hành, cập nhật, chỉnh lý biến động trên hệ thống thông tin đất đai VNPT iLIS.

Xây dựng và triển khai thực hiện phần mềm “Quản lý giao dịch điện tử hồ sơ đất đai liên thông với cơ quan Thuế và Dịch vụ công trong thực hiện giải quyết TTHC” tại 11 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh. Theo đó, ngày 01/6/2022 Văn phòng Đăng ký Đất đai ban hành Kế hoạch số 453/KH-VPĐKĐĐ về đào tạo Phần mềm quản lý giao dịch điện tử hồ sơ đất đai trên địa bàn thành phố Tam Kỳ.

Thực hiện dự án số hóa hồ sơ địa chính từ dạng giấy sang dạng số tại thị xã Điện Bàn; Xây dựng phương án số hóa hồ sơ địa chính huyện Tiên Phước, Phú Ninh; Hoàn thiện đề cương, dự toán xây dựng bộ cơ sở dữ liệu nền thông tin địa lý (GIS) tỉnh Quảng Nam, Cổng thông tin không gian địa lý tỉnh Quảng Nam.

III. Công tác quản lý đất đai và đo đạc bản đồ

1. Kết quả thực hiện

Tổ chức triển khai thực hiện tốt, kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; đặc biệt là ở lĩnh vực chính sách pháp luật về đất đai liên quan đến công tác Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, công tác xây dựng giá đất, đấu giá quyền sử dụng đất, công tác bồi thường, GPMB, tái định cư, công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, công tác đo đạc- bản đồ.

Tham mưu UBND tỉnh báo cáo Ban Cán sự Đảng, UBND tỉnh tổng kết thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 31/10/2012 của BCH Trung ương Khóa XI, thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2609/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất và diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2030 của tỉnh Quảng Nam cho các huyện, thị xã, thành phố.

Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2022 của các huyện, thị xã, thành phố⁵. Tổ chức Hợp Hội

⁵ Nghị quyết điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất của thị xã Điện Bàn đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 và Nghị quyết điều chỉnh danh mục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của huyện Đại Lộc đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 tại các Nghị quyết: số 15/NQ-HĐND, số 16/NQ-HĐND ngày 21/4/2022, số 31/NQ-HĐND, số 33/NQ-HĐND ngày, số 34/NQ-HĐND ngày 20/7/2022, số 47/NQ-HĐND, số 48/NQ-HĐND, số 49/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 và

đồng thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện để thẩm định Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Báo cáo số 2624/STNMT-CCQLĐĐ ngày 04/11/2022 về việc báo cáo kết quả thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện dự án.

Trình UBND tỉnh phê duyệt 30 phương án giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với các dự án trên địa bàn tỉnh; Trình Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể tỉnh thẩm định giá đất cụ thể để tính thu tiền sử dụng đất đối với 13 dự án trên địa bàn tỉnh.

Trình UBND tỉnh kiện toàn Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Hội đồng thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh. Báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết hoặc hướng dẫn giải quyết vướng mắc về BT, HT, TĐC cho các địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh, tập trung các dự án trọng điểm.

Tham mưu UBND tỉnh tổ chức Đoàn công tác liên ngành để trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác quản lý đất đai, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương và Long An; báo cáo UBND tỉnh kết quả học tập kinh nghiệm về công tác quản lý đất đai, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn các tỉnh sau khi Đoàn công tác kết thúc.

Trong năm 2022, đã thẩm định thiết kế kỹ thuật dự toán 78 công trình, dự án. Tham gia kiểm tra ngoại nghiệp sản phẩm trích đo địa chính: 49 công trình.

Công tác xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai:

- Giai đoạn 1: Đối với sản phẩm dự án giai đoạn 1 do Sở Tài nguyên và Môi trường làm chủ đầu tư đã bàn giao về cho các địa phương quản lý, sử dụng, lưu trữ, khai thác, vận hành theo đúng quy định của Nhà nước. Hiện nay, đang phối hợp với các đơn vị thi công, đơn vị tư vấn giám sát khẩn trương hoàn thiện hồ sơ quyết toán dự án giai đoạn 1 để lập thủ tục đơn vị kiểm toán độc lập theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 7711/UBND-KTN ngày 29/12/2020; Thông báo số 243/TB-UBND ngày 29/6/2021 và Công văn số 8120/UBND-KTN ngày 16/11/2021.

- Giai đoạn 2: Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2235/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 29/6/2012 của UBND tỉnh, theo đó giao chủ đầu tư thực hiện dự án giai đoạn 02 về cho UBND cấp huyện làm chủ đầu tư, tổ chức

tham mưu UBND tỉnh ban hành triển khai, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của các huyện, thị xã, thành phố tại các Quyết định: số 1204/QĐ-UBND ngày 05/5/2022, số 1331/QĐ-UBND ngày 17/5/2022, số 2073/QĐ-UBND ngày, số 2074/QĐ-UBND ngày 09/8/2022, số 2104/QĐ-UBND ngày 11/8/2022, số 2952/QĐ-UBND, số 2953/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 và đang trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt Điều chỉnh danh mục dự án chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Đại Lộc tại Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 23/3/2022 của UBND tỉnh

triển khai thực hiện. Theo đó, tham mưu UBND tỉnh tổ chức các cuộc họp với các địa phương và các Sở, Ngành có liên quan và ban hành các Thông báo (số 569/TB-UBND ngày 20/12/2021 và số 242/TB-UBND ngày 28/6/2022) nhằm chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai. Sở đã ban hành Công văn số 2065/STNMT-QLĐĐ ngày 05/9/2022 hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện giai đoạn 2 dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh; Công văn số 2407/STNMT-QLĐĐ ngày 11/10/2022 về việc phân công nhiệm vụ tham mưu thẩm định dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu quản lý đất đai tại các địa phương trên địa bàn tỉnh (giai đoạn 2) và dự án đo đạc lập hồ sơ địa chính, cấp giấy CNQSD đất đai lâm nghiệp 09 huyện miền núi, tỉnh Quảng Nam.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Tổ chức thực hiện công việc các dự án đo đạc, cấp Giấy chứng nhận các xã vùng Đông, dự án cắm mốc ranh giới đất nông lâm trường theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, công tác xây dựng giá đất cụ thể cho các dự án trọng điểm chưa được thường xuyên, kịp thời dẫn đến tiến độ thực hiện chưa đảm bảo theo kế hoạch đề ra.

Chất lượng công tác lập KHSD đất hàng năm của địa phương chưa cao, việc đề xuất các danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng để trình HĐND tỉnh quá nhiều và thường xuyên trình bổ sung danh mục dự án trong năm KHSD đất, nhưng kết quả thực hiện đạt rất thấp, hiện nay pháp luật chưa có chế tài xử lý đối với các địa phương, đơn vị thực hiện KHSD đất đạt quá thấp (dưới 50%).

Việc thực thi chính sách BT, HT & TĐC chưa tuân thủ quy trình, quy định, còn sai phạm và thiếu minh bạch dẫn đến phát sinh nhiều đặc thù, nhiều cá biệt, so bì, khiếu kiện, khiếu nại, thậm chí kéo dài, đông người hay như có những dự án vướng mắc hàng chục năm vẫn chưa được giải quyết dứt điểm.

Công tác xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất đối với một số dự án đầu tư chưa được kịp thời, hoặc còn lúng túng, nguyên nhân là các quy định về phương pháp xác định giá đất hiện hành không rõ ràng, mang tính định tính, gây khó khăn cho công tác xây dựng phương án giá đất. Mặt khác việc thu thập thông tin về giá đất thị trường rất khó khăn (do người dân khai thuế không theo giá đất chuyển nhượng thật) dẫn đến kết quả xác định giá đất cụ thể thiếu chính xác.

Chất lượng hồ sơ sản phẩm đo đạc bản đồ do đơn vị tư vấn lập vẫn còn thiếu sót, chưa đảm bảo so với quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Do sản phẩm thực hiện ở nhiều địa phương khác nhau nhưng đơn vị thi công và chính quyền địa phương kiểm tra chưa chặt chẽ, do vậy qua quá trình kiểm tra, thẩm định vẫn còn những sai sót như việc xác định loại đất theo hiện trạng sử dụng đất và theo giấy tờ có liên quan chưa thống nhất, một số thửa đất còn tranh chấp về ranh giới sử dụng đất, việc xác định nguồn gốc một số thửa đất chưa đảm bảo, một số hộ dân đi làm ăn xa, nên ảnh hưởng không nhỏ đến việc xác lập hồ sơ đất

đai, ký biên bản xác định ranh giới, mốc giới tứ cận thửa đất, ký phiếu xác nhận kết quả đo đạc theo hiện trạng thửa đất.

3. Một số giải pháp trong thời gian tới

Tiếp tục phát huy vai trò và trách nhiệm của tập thể Lãnh đạo trong chỉ đạo, quản lý điều hành những nội dung công việc thuộc lĩnh vực; chủ động tham mưu, đề xuất và trực tiếp theo dõi, đôn đốc, tổ chức thực hiện, để có sự đổi mới, phát huy khả năng sáng tạo, chủ động trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giao. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc, nhắc nhở quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; kịp thời rút kinh nghiệm những thiếu sót, đề ra những giải pháp hữu hiệu trong thực thi công vụ. Xây dựng Kế hoạch cụ thể để chủ động hơn trong công việc, đảm bảo thời gian công việc theo yêu cầu.

IV. Công tác quản lý khoáng sản

1. Kết quả thực hiện

Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức thực hiện công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, tham mưu cấp phép hoạt động khoáng sản phù hợp với Quy hoạch đã được phê duyệt, quy trình cấp phép đúng trình tự, thủ tục gắn với cải cách thủ tục hành chính theo quy định⁶. Báo cáo UBND tỉnh xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy, thống nhất chủ trương đầu tư và phê duyệt danh mục đầu tư 39 dự án khai thác khoáng sản để đưa vào kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn các huyện, thị xã.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành 17 Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tổng số tiền đã phê duyệt là 33.911.731.270 đồng. Thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm định hồ sơ, tham mưu UBND tỉnh cấp, ban hành 61 giấy phép, quyết định liên quan đến hoạt động khoáng sản⁷

⁶ Tham mưu và phối hợp tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, trong đó có một số văn bản quan trọng như: Chương trình số 17-CTr/TU ngày 03/6/2022 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/W ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Các văn bản của UBND tỉnh: Công văn số 1704/UBND-KTN ngày 23/3/2022 về việc tăng cường công tác quản lý quy hoạch và khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh; Công văn số 2815/UBND-NCKS ngày 06/5/2022 về việc tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động đấu giá tài sản, nhất là đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Công văn số 96/UBND-KTN ngày 07/01/2022 về việc tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về lâm nghiệp và tài nguyên khoáng sản năm 2022; Công văn số 4334/UBND-KTN ngày 05/7/2022 về tăng cường phối hợp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, Công văn số 5377/UBND-KTN ngày 16/8/2022 về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh, Công văn số 4605/UBND-KTN ngày 14/7/2022 về việc tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Công văn số 6447/UBND-KTN ngày 30/9/2022 về việc tổ chức kiểm tra, truy quét các tụ điểm khai thác vàng trái phép trên địa bàn các huyện Phú Ninh, Phước Sơn...

⁷ 04 Giấy phép thăm dò khoáng sản (02 đá, 02 cát); 07 Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản (04 cát, 02 đá, 01 đất sét); 14 Giấy phép khai thác khoáng sản (03 cát, 01 đá, 05 đất san lấp, 02 đất sét, 01 đá thạch anh, 02 vàng gốc); 06 Quyết định gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản (04 đất san lấp, 01 đá, 01 cát); 02 Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (đất sét, cát); 07 Bản xác nhận đăng ký khai thác khoáng sản trong dự án đầu tư xây dựng công trình (đá, cát); 15 Quyết định phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (06 cát, 06 đất, 01 đất sét, 02 vàng gốc); 04 Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản (03 cát, 01 đất).

Tổng số Giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực tính đến ngày 13/12/2022 là 78 Giấy phép, bao gồm: 06 Giấy phép do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp (01 đá ốp lát, 01 cát trắng, 01 than đá, 01 vàng gốc, 01 đá vôi, 01 nước khoáng) và 72 Giấy phép do UBND tỉnh cấp (13 cát, 25 đá, 10 đất san lấp, 10 đất sét, 11 vàng gốc, 01 đá thạch anh tảng lẫn, 01 than, 01 cát trắng).

2. Tồn tại, hạn chế

Tình trạng khai thác khoáng sản trái phép vẫn còn xảy ra tại một số khu vực gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của người dân và tình hình an ninh, trật tự tại địa phương; nguyên nhân do các đối tượng lợi dụng địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn, khai thác vào ban đêm, sự quản lý chưa chặt chẽ của chính quyền địa phương,... Vẫn còn một số doanh nghiệp chưa chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động khoáng sản, chậm hoặc không thực hiện công tác đóng cửa mỏ, cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác, còn nợ các khoản nghĩa vụ tài chính; nguyên nhân do ý thức chấp hành pháp luật chưa cao, đặt lợi nhuận lên hàng đầu, công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật của cơ quan chức năng còn hạn chế, chưa thường xuyên,... Một số cấp uỷ Đảng, chính quyền cấp xã chưa tích cực chủ động các biện pháp quản lý tài nguyên khoáng sản, còn tư tưởng trông chờ ỷ lại cấp trên. Sự tham gia phối hợp với các ngành thiếu chặt chẽ, chưa đồng bộ, chủ yếu phối hợp khi có sự việc xảy ra.

Một số quy định của Luật, Nghị định quy định còn chồng chéo, khi triển khai thực hiện gặp nhiều vướng mắc (thời gian giải quyết TTHC, chưa có quy định chi tiết, cụ thể về mức chi, chế độ chi, sử dụng nguồn kinh phí cho công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; quy định, tiêu chuẩn của giám đốc điều hành mỏ áp dụng tương đương giữa các mỏ có quy mô lớn và các mỏ có quy mô nhỏ, KTKS trong các dự án đầu tư xây dựng công trình là chưa phù hợp,...)

Kinh phí hỗ trợ phục vụ cho công tác đấu tranh trên lĩnh vực khoáng sản còn hạn chế, thiếu bền vững tạm giữ các phương tiện vi phạm, thiếu phương tiện, công cụ hỗ trợ phục vụ cho công tác đấu tranh, xử lý.

3. Một số giải pháp trong thời gian tới

Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại 39 khu vực đã được phê duyệt danh mục đầu tư khai thác khoáng sản. Tiếp tục kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền bổ sung, chỉnh sửa các quy định của pháp luật chưa phù hợp với thực tế triển khai. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc khai thác, sử dụng khoáng sản; phát hiện và kịp thời xử lý hoặc kiến nghị xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định; xem xét, kiến nghị thu hồi giấy phép và không cấp mới, gia hạn giấy phép đối với các đơn vị khai thác khoáng sản vi phạm nhiều lần.

V. Công tác quản lý tài nguyên nước, KTTV, Biển và Hải đảo

1. Kết quả thực hiện

Lĩnh vực tài nguyên nước: Trong năm 2022, đã tham mưu cấp giấy phép tài nguyên nước: 17 giấy phép; trình phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của 11 đơn vị, với tổng số tiền trên 03 tỷ đồng; Đề nghị các đơn vị tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất lập hồ sơ cấp phép theo quy định; Ban hành văn bản tăng cường biện pháp quản lý, bảo vệ tài nguyên nước dưới đất; Quản lý và cấp 03 giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất cho các đơn vị, cá nhân trên địa bàn tỉnh; Tổ chức kiểm tra chuyên đề về tài nguyên nước 03 đơn vị; tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày nước Thế giới; Báo cáo hoạt động khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất theo quy định tại Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Hoàn thiện và trình UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ: điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của sông, hồ là nguồn nước nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Lĩnh vực quản lý Khí tượng thủy văn: Tham mưu UBND tỉnh Ban hành Công văn triển khai thực hiện Kế hoạch số 87 -KH/TU ngày 15/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 25/9/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác KTTV; đề xuất lắp đặt các trạm KTTV chuyên dùng phục vụ công tác PCTT.

Lĩnh vực quản lý Biển và Hải đảo: Trong năm 2022, đã tham mưu UBND tỉnh phê duyệt 82 Kế hoạch ứng phó sự cố của các đơn vị trên địa bàn tỉnh. Tham mưu UBND tỉnh Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chiến lược Quản lý tổng hợp vùng bờ và Phát triển bền vững kinh tế biển trên địa bàn tỉnh. Xây dựng và hoàn thiện nhiệm vụ “Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tỉnh Quảng Nam đến năm 2025”. Tiếp tục hoàn thiện và trình UBND tỉnh phê duyệt Quyết định và danh mục về chiều rộng hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng tổ chức Hội thảo tham vấn ý kiến về Thỏa thuận, Kế hoạch hoạt động Ban điều phối lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng bờ giai đoạn 2022-2025.

Lĩnh vực Biến đổi khí hậu: Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô - dôn theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP và Thông tư 01/2022/TT-BTNMT của Bộ TN&MT. Triển khai thực hiện Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh về đánh giá, giám sát khí hậu.

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Việc lập, triển khai quy hoạch về tài nguyên nước còn chậm dẫn đến chưa có cơ sở điều tiết nhu cầu sử dụng nước của các ngành, địa phương; Công tác điều tra cơ bản tài nguyên nước chưa thực hiện đồng bộ, do vậy chưa đáp ứng được yêu cầu phục vụ công tác quản lý tài nguyên nước. Bên cạnh đó, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước còn nhỏ lẻ, phân tán do nhiều ngành, nhiều đơn vị quản lý. Công tác kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về tài nguyên nước đối với các đơn vị, tổ chức được cấp phép chưa nhiều, chưa thường xuyên. Việc thực hiện quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo Thông tư số

17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Chính phủ chưa được các đơn vị, tổ chức quan tâm thực hiện đầy đủ, tỷ lệ thực hiện còn quá thấp, đặc biệt là các đơn vị khai thác, sử dụng nước dưới đất.

Công tác quản lý tài nguyên, môi trường biển và hải đảo còn nhiều hạn chế, việc triển khai thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Luật, Nghị định, Thông tư chưa nhiều. Trong lĩnh vực quản lý tổng hợp vùng bờ, đới bờ còn nhiều hạn chế, chưa triển khai được nhiều hoạt động theo kế hoạch đã phê duyệt do thiếu nguồn lực để triển khai.

Hiện nay, tỉnh đã phê duyệt ban hành nhiều Kế hoạch, Chương trình để thực hiện trong lĩnh vực biến đổi khí hậu, tuy nhiên việc triển khai các nhiệm vụ còn khá khiêm tốn, do các nhiệm vụ xây dựng với nguồn kinh phí tương đối lớn, cần phải có nguồn lực đầu tư đồng bộ. Bên cạnh đó, lĩnh vực biến đổi khí hậu khá phức tạp, cán bộ quản lý phải có chuyên môn sâu, đào tạo đúng chuyên ngành, tuy nhiên hiện nay công chức quản lý chủ yếu là làm kiêm nhiệm, lực lượng được bố trí quá ít so với yêu cầu của nhiệm vụ này. Việc đầu tư kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước còn quá khiêm tốn; nguồn vốn viện trợ của các tổ chức trong và ngoài nước thời gian qua còn hạn chế.

VI. Công tác quản lý Bảo vệ môi trường

1. Kết quả thực hiện

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 về kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; đồng thời tổ chức 03 lớp tập huấn về tuyên truyền, phổ biến Luật Bảo vệ môi trường 2020, các văn bản dưới Luật cho các đối tượng là Sở, Ban, ngành liên quan thuộc tỉnh, các đơn vị quản lý hạ tầng tại các Khu, Cụm công nghiệp, phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với các địa phương, các đơn vị ký kết liên tịch tham gia làm báo cáo viên tuyên truyền phổ biến Luật Bảo vệ môi trường đến các các hội viên phụ nữ, nông dân, cựu chiến binh, người cao tuổi,...; cán bộ cấp xã, phường, thị trấn.

Công tác thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; thẩm định, cấp Giấy phép về môi trường tuân thủ theo quy trình thực hiện các thủ tục đầu tư dự án trên địa bàn tỉnh, trong năm đã cấp phê duyệt kết quả thẩm định 44 Báo cáo ĐTM; 33 Giấy phép môi trường; Giấy xác nhận 03 Kế hoạch BVMT; 04 sổ chủ nguồn CTNH; 01 hồ sơ chấp thuận môi trường; Giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT cho 09 cơ sở. Cấp huyện đã cấp 33 giấy phép về môi trường.

Công tác quan trắc môi trường và quản lý, kiểm soát các nguồn thải:

- Mạng lưới quan trắc toàn tỉnh có 106 điểm, trong đó môi trường đất 05 điểm và trầm tích 06 điểm. Theo kết quả quan trắc môi trường năm 2022 (tính đến tháng 10/2022) cho thấy chất lượng môi trường đất trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định, hàm lượng các kim loại nặng quan trắc được đều có sự biến động không nhiều, chất lượng đất và trầm tích giữ mức ổn định theo thành phần các kim loại

phân tích, riêng tại vị trí sông Bồng Miêu hàm lượng Asen biến động trong một số thời điểm quan trắc. Dư lượng bảo vệ thực vật gốc Clo thu được vẫn ở mức rất thấp và nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép.

- Môi trường đất: Qua rà soát và tổng hợp thông tin, hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 32 điểm bị ô nhiễm và thoái hóa (31 điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật, 1 điểm là khu xử lý rác sinh hoạt đã đóng cửa). Trong đó, xử lý xong 01 điểm tại thị trấn Đông Phú, huyện Quế Sơn, 20 điểm do UBND các huyện khảo sát tổng hợp cung cấp thông tin đề xuất xử lý, 10 điểm được Sở Tài nguyên và Môi trường trực tiếp khảo sát đánh giá hiện trạng, mô tả đặc điểm, tính chất cơ bản. Đã phê duyệt kết quả điều tra, đánh giá sơ bộ; điều tra, đánh giá chi tiết và lập phương án xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường thực hiện đối với 06 điểm⁸ (tại Quyết định số 3284/QĐ-UBND ngày 23/11/2020). Sở Tài nguyên và Môi trường đang lập Dự án xử lý trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt triển khai thực hiện 06 điểm nêu trên trong thời gian đến, đồng thời sẽ tiếp tục điều tra, khảo sát đánh giá các khu vực bị ô nhiễm hóa chất trong chiến tranh; các kho, bãi chôn lấp có chứa hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật trước đây để có giải pháp xử lý.

- Môi trường không khí: Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí tại Quyết định số 985a/QĐ-TTg ngày 01/6/2016⁹, Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 18/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản về tăng cường kiểm soát ô nhiễm không khí và xử lý triệt để các điểm nóng về ô nhiễm bụi, khí thải trên địa bàn tỉnh; hoàn thành Báo cáo hiện trạng tỉnh Quảng Nam năm 2021 “Chất lượng môi trường không khí - Thực trạng và giải pháp” được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1795/QĐ-UBND ngày 06/7/2022, tiếp tục tham mưu UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

- Môi trường nước: Công tác quản lý chất lượng nguồn nước và kiểm soát, phòng chống ô nhiễm, cạn kiệt nguồn nước trên địa bàn tỉnh luôn được quan tâm, triển khai thực hiện. Công tác dự báo, cảnh báo nguy cơ ô nhiễm, suy thoái môi trường, bảo vệ nguồn nước được thực hiện thường xuyên.

- Xử lý nước thải Khu công nghiệp (KCN): hiện có 07/08¹⁰ KCN đi vào hoạt động có hồ sơ môi trường và có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung (đạt tỷ lệ 85,71%) (riêng KCN Thuận Yên chưa đầu tư hệ thống XLNT tập trung), 04/08¹¹ KCN được cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT (đạt tỷ lệ

⁸ Kho thuốc BVTV huyện Duy Xuyên (Thôn Trà Châu, xã Duy Sơn), Kho thuốc BVTV của HTX Duy Sơn 2 (Thôn Chiêm Sơn, xã Duy Sơn), Kho thuốc BVTV của HTX NN Duy Thành (Tổ 13, thôn Thi Thái, xã Duy Thành), Kho thuốc BVTV của HTX Phú Đông (Thôn Phú Hưng, xã Tam Xuân 1), Kho thuốc BVTV Đại Hòa (Thôn Lộc Bình, xã Đại Hòa), Kho thuốc BVTV huyện Đại Lộc (Thôn Hòa Thạch, xã Đại Quang)

⁹ của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý chất lượng không khí đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025

¹⁰ KCN hậu cần cảng Tam Hiệp, KCN Bắc Chu Lai, KCN Cơ khí Ô tô Chu Lai - Trường Hải, KCN Tam Thăng 1, KCN Đông Quế Sơn, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, KCN Tam Thăng 2

¹¹ KCN Điện Nam – Điện Ngọc, KCN Bắc Chu Lai, KCN hậu cần cảng Tam Hiệp, KCN cơ khí ô tô Chu Lai Trường Hải.

50%), 06/08¹² KCN được cấp phép xả nước thải sau xử lý vào môi trường (đạt tỷ lệ 75%) và 06/08¹³ KCN đã hoàn thành lắp đặt hệ thống quan trắc online kết nối truyền dữ liệu quan trắc về Sở TN&MT (đạt tỷ lệ 75%) và có hồ sơ cố nước thải nên việc xả nước thải ra môi trường tại các KCN đang được kiểm soát chặt chẽ.

Ngoài ra, 07¹⁴ KCN được quy hoạch thuộc Khu Kinh tế mở Chu Lai. Hầu hết các KCN này đang trong quá trình bồi thường, giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật, riêng đối với KCN Tam Thăng 2 và KCN Tam Anh - Hàn Quốc đã hoàn thành xây dựng Trạm xử lý nước thải tập trung và lắp đặt thiết bị chờ vận hành thử nghiệm. Tất cả các cơ sở hoạt động tại các KCN có phát sinh nước thải đều được yêu cầu thu gom, xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn tiếp nhận và đầu nối vào hệ thống XLNT của KCN.

Xử lý nước thải Cụm công nghiệp (CCN): Đến nay trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đã có quyết định thành lập (QĐTL) 59 CCN với tổng diện tích 1.678,58ha, trong đó: 53 CCN đã có quy hoạch chi tiết, 51/59 CCN đã đi vào hoạt động đạt tỷ lệ lấp đầy bình quân 70,62% (trong đó 31 CCN có tỷ lệ lấp đầy từ 60% trở lên và 28 CCN có tỷ lệ lấp đầy dưới 60%). Hiện có 26/51 CCN đang hoạt động có hồ sơ về môi trường (chiếm tỷ lệ 50,98%), 03¹⁵ CCN chỉ lập hồ sơ về môi trường cho hạng mục xử lý nước thải (không đánh giá tác động môi trường cho toàn CCN), 04/51¹⁶ CCN đang hoạt động có đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung (tuy nhiên hiện chỉ có 02 CCN An Lưu và CCN Trường Xuân đảm bảo hạ tầng thu gom, đầu nối về hệ thống xử lý nước thải), hiện có 04¹⁷ CCN do diện tích bố trí 1-2 nhà máy hoạt động đã có công trình xử lý nước thải tại cơ sở. Nhìn chung, hạ tầng kỹ thuật các CCN (như hệ thống giao thông, hệ thống xử lý nước thải, vỉa hè, cây xanh,..) chưa được đầu tư hoàn chỉnh, đồng bộ, chủ yếu do vướng mắc trong công tác bồi thường, GPMB còn chậm, nguồn kinh phí, kêu gọi doanh nghiệp đầu tư còn hạn chế.

- Xử lý nước thải tập trung đô thị: trong thời gian qua đã kêu gọi, bố trí kinh phí đầu tư công trình trạm xử lý nước thải tập trung cho 03 thành phố Tam Kỳ¹⁸, Hội An¹⁹ và khu đô thị Nam thị trấn Ái Nghĩa²⁰ (hiện các công trình đã đi vào vận hành chính thức); phê duyệt quy hoạch các trạm xử lý nước thải tập trung thuộc vùng Đông tỉnh Quảng Nam, ven biển phía Bắc thị xã Điện Bàn, đô thị Chu Lai - Núi Thành và các trạm xử lý nước thải cục bộ để thu gom, xử lý nước thải tại khu đô thị mới, dự án công trình nhà ở tập trung theo quy hoạch phát triển đô thị tại

¹² KCN Bắc Chu Lai, KCN Điện Nam-Điện Ngọc, KCN Tam Thăng 1, KCN Tam Hiệp, KCN Cơ khí Ô tô Chu Lai - Trường Hải, KCN Đông Quế Sơn

¹³KCN Điện Nam - Điện Nam, KCN Bắc Chu Lai, KCN Tam Thăng 1, KCN Tam Hiệp, KCN Cơ khí ô tô Chu Lai Trường Hải, KCN Tam Thăng 2

¹⁴ KCN khí - năng lượng thuộc xã Tam Quang - Núi Thành, KCN Tam Anh - Hàn Quốc, KCN Tam Anh 1, KCN Nam Thăng Bình, KCN công nghệ cao Thăng Bình, KCN Thaco Chu Lai

¹⁵ CCN An Lưu – Điện Bàn, CCN Đại Đồng 2 – Đại Lộc, CCN Trường Xuân – Tam Kỳ

¹⁶ CCN An Lưu – Điện Bàn; CCN Hà Lam - Chợ Được, huyện Thăng Bình, CCN Trường Xuân – Tam Kỳ, CCN Khối 7 – Núi Thành

¹⁷ CCN Đông Yên, CCN Gò Mỹ, CCN Tài Đa, CCN 7B

¹⁸ công suất thiết kế 8.000 m³/ngày đêm thu gom, xử lý nước thải cho 07 phường/13 phường, xã

¹⁹ công suất thiết kế 9.380 m³/ngày đêm thu gom, xử lý rác thải cho vùng nội thị của 05 phường/14 phường, xã

²⁰ Công suất thiết kế 400 m³/ngày đêm

một số huyện/thị xã/thành phố. Và hiện nay đang trong quá trình đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và XLNT tập trung vùng Đông - huyện Duy Xuyên và hệ thống thu gom, nhà máy XLNT Khu đô thị Tam Hiệp thuộc dự án Cải thiện môi trường, đô thị Chu Lai, Núi Thành.

- Về công tác BVMT lưu vực sông: tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trong quản lý, khai thác, bảo vệ nguồn nước lưu vực sông, trong đó tập trung 3 hệ thống sông chính là sông Vu Gia - Thu Bồn, sông Tam Kỳ, sông Trương Giang. Triển khai thực hiện Dự án “Xây dựng ứng dụng truyền, nhận, quản lý dữ liệu quan trắc, giám sát tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh và xây dựng cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Nam”.

- Công tác quản lý, vận hành trạm quan trắc tự động: Công tác quản lý nhà nước về quan trắc tự động, liên tục được Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện theo các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các Nghị định, Thông tư. Khi chủ nguồn thải nộp hồ sơ đề nghị kết nối dữ liệu, Sở TN&MT kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế và có văn bản xác nhận hoàn thành lắp đặt và kết nối dữ liệu đối với các trạm đảm bảo yêu cầu. Theo đó, tính đến thời điểm hiện nay trên địa bàn tỉnh Quảng Nam có 18 trạm quan trắc tự động, liên tục của các chủ nguồn thải (gồm 14 trạm nước thải và 04 trạm khí thải) đã lắp đặt và truyền dữ liệu về Sở TN&MT. Có 13 trạm đảm bảo yêu cầu đã được xác nhận; 05 trạm đang hoàn thiện hồ sơ, thiết bị để được xác nhận. Định kỳ kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị và kiểm tra định kỳ bằng chất chuẩn, bảo dưỡng bảo trì và thay thế sửa chữa; thực hiện truyền đầy đủ số liệu quan trắc và camera theo dõi về Sở TN&MT. Công tác quản lý, lưu trữ hồ sơ các trạm quan trắc tự động do các cơ sở gửi về được thực hiện đảm bảo yêu cầu về quản lý hồ sơ; đã xây dựng phần mềm quan trắc tài nguyên và môi trường để quản lý, giám sát tình hình hoạt động và dữ liệu của các trạm; khi trạm quan trắc của cơ sở có số liệu vượt quy chuẩn, bất thường, dừng truyền quá thời gian quy định... Sở TN&MT thông báo bằng văn bản đến chủ nguồn thải đề nghị khắc phục, chấn chỉnh kịp thời.

- Tình hình thực hiện Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa: Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TU ngày 29/10/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam về tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác triển khai thực hiện phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là triển khai các quy định mới trong công tác phân loại, tính giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn tại nguồn theo Luật Bảo vệ môi trường 2020. UBND tỉnh đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và địa phương tổ chức xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025 tại Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 30/9/2022, soạn thảo bộ tài liệu hướng dẫn đề UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng chương trình/đề án phân loại CTRSH tại nguồn trên địa bàn. Đối với các địa phương, việc thực hiện giảm thiểu sử dụng túi ni lông khó phân hủy đạt hiệu quả rõ nét nhất là thành phố Hội An với

hiều hoạt động²¹ phong phú, đa dạng có sức loan tỏa kêu gọi “Chống rác thải nhựa” trong cộng đồng. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương tiếp tục có nhiều hoạt động tích cực để giảm thiểu rác thải nhựa, như: trang bị máy lọc nước, sử dụng ly, cốc, bình thủy tinh, inox, bình nước sử dụng nhiều lần trong các cuộc họp, hội nghị và sinh hoạt tại cơ quan/đơn vị. Các doanh nghiệp trong các KCN không sử dụng hộp cơm xốp, ly nhựa, muỗng nhựa dùng một lần. Một số siêu thị, điểm bán hàng tập trung thì sử dụng túi ni lông đúng kích cỡ, sử dụng túi thân thiện với môi trường, theo dõi số lượng túi ni lông chứa đựng các sản phẩm bán ra,... Nhiều cơ sở kinh doanh lưu trú đã thay thế túi ni lông bằng túi vải, giấy... Hiện nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với UBND thành phố Hội An triển khai phương án thí điểm quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Hội An.

- Tình hình thực hiện Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý CTR

Theo ước tính, tổng lượng CTR sinh hoạt phát sinh tại các đô thị được thu gom và xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn khoảng 139.761 tấn (đạt tỷ lệ 97%); riêng tỷ lệ thu gom, xử lý CTR sinh hoạt tại nông thôn ước đạt khoảng 136.407 tấn (đạt tỷ lệ khoảng 80%). Trong công tác quy hoạch quản lý CTRSH tiếp tục được UBND tỉnh thực hiện và phê duyệt tại Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 (phê duyệt Đề án quản lý CTR tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030) để xác định các nhiệm vụ, biện pháp, dự kiến nguồn lực quản lý CTR và quy hoạch vị trí các khu xử lý CTR trên địa bàn tỉnh Quảng Nam trong giai đoạn đến; theo đó, quy hoạch toàn tỉnh có 29 vị trí để thực hiện các Khu xử lý CTR cho 17/18 địa phương (trừ thành phố Tam Kỳ). Trong đó có 08 khu xử lý hiện trạng được tiếp tục sử dụng và nâng cấp mở rộng làm Khu xử lý CTR cho địa phương mình, 21 khu xử lý đầu tư mới dự án Khu xử lý CTR trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh đã giao nhiệm vụ cho các Sở, Ban ngành, địa phương liên quan triển khai đầu tư các khu xử lý CTR. Trong đó, đối với quy mô cấp tỉnh, giao Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng tỉnh làm chủ đầu tư Khu xử lý chất thải rắn Nam Quảng Nam phục vụ xử lý CTRSH cho các địa phương phía Nam của tỉnh. Đối với cấp huyện: Một số địa phương đã xúc tiến tìm kiếm nhà đầu tư dự án như: Duy Xuyên, Điện Bàn, Quế Sơn... Trong năm 2022, thực hiện theo chỉ đạo, giao nhiệm của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tích cực đề xuất thực hiện một số nhiệm vụ, dự án trọng tâm về xử lý CTR sinh hoạt, cụ thể: trình UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án hệ thống thu gom nước mặt Khu xử lý rác thải Tam Xuân 2 huyện Núi Thành, đề xuất chủ trương đầu tư Dự án đóng cửa bãi rác Đại Hiệp; tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy chế giao - nhận chất thải rắn sinh hoạt tại Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 30/3/2022, kiểm tra, giám sát tiến độ hoàn thành Nhà máy xử lý CTR sinh hoạt Bắc Quảng Nam đưa vào vận hành; hoàn thiện các hồ sơ nghiệm thu, tổ chức công bố và bàn giao hồ sơ đồ án quy hoạch Tổng mặt

²¹ mô hình không rác thải trong quản lý rác thải Cù Lao Chàm được tài trợ bởi tổ chức Môi trường Thái Bình Dương. Phối hợp, dự án Giảm thiểu rác thải nhựa đại dương từ nguồn tài trợ của IUCN.

bằng xây dựng (tỉ lệ 1/500); tổ chức thẩm định công nghệ xử lý đối với Khu xử lý chất thải rắn Nam Quảng Nam.

Tăng nguồn lực đầu tư cho công tác xử lý CTR sinh hoạt, bên cạnh nguồn ngân sách Nhà nước²², tỉnh đã huy động được các nguồn lực tư nhân đầu tư các cơ sở xử lý CTRSH²³; đặc biệt, thành phố Hội An nhận được nhiều hỗ trợ của các tổ chức nước ngoài²⁴. Đồng thời, UBND tỉnh Quảng Nam đã ban hành được các mức phí vệ sinh, giá thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo quy định của pháp luật về giá làm cơ sở để các địa phương áp dụng; qua đó đã huy động được nguồn lực trong cộng đồng để chi trả một phần cho hoạt động thu gom, vận chuyển CTRSH.

- Công tác quản lý, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học:

Sở đang tổ chức thực hiện Đề án Nghiên cứu điều tra, đánh giá hiện trạng đất ngập nước, môi trường sinh thái, đa dạng sinh học vùng hạ lưu sông Thu Bồn và sông Trường Giang. Phối hợp làm việc với Sở Khoa học và Công nghệ về các đề tài khoa học liên quan đến đa dạng sinh học, trong đó có đề tài Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để đề xuất thiết lập Khu bảo tồn biển khu vực xã Tam Hải, huyện Núi Thành đang triển khai (tháng 9/2021-2/2024).

Hoàn thành công trình Bảo tàng đa dạng sinh học cấp tỉnh đầu tiên trong cả nước đã và được bàn giao cho Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường vận hành trong quý I năm 2022. Trong thời gian tới sẽ tăng cường quảng bá, truyền thông để giới thiệu Nhà Bảo tàng đến các nhà quản lý, các chuyên gia trong nước và quốc tế, học sinh - sinh viên và người dân có nhu cầu đến tìm hiểu, nghiên cứu và học tập về ĐDSH và môi trường.

Thành lập, mở rộng, nâng hạng các khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh: thành lập Khu Dự trữ thiên nhiên Ngọc Linh; Khu bảo vệ cảnh quan Mỹ Sơn;

²² Ngân sách Nhà nước thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên cho thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH: Tổng kinh phí ngân sách tỉnh Quảng Nam bố trí chi sự nghiệp BVMT để thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH trong giai đoạn 2016-2021 là 164.090 tỷ đồng⁽²²⁾, trong đó: khối huyện là 49.510 tỷ và khối tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Y tế) là 114.580 tỷ đồng.

Tổng nguồn vốn đầu tư kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 để thực hiện các dự án bảo vệ môi trường là 328.100 triệu đồng; trong đó: bố trí để thực hiện các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 là 3.097 triệu đồng, bố trí để thực hiện các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025 là 229.193 triệu đồng và bố trí để thực hiện Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 về cơ chế khuyến khích đầu tư, hỗ trợ khu xử lý CTR sinh hoạt tập trung trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2020-2030 kế hoạch năm 2022 là 95.000 triệu đồng.

²³ Một số dự án đầu tư tư cho xử lý CTRSH đã được cấp phép đầu tư và đang triển khai thực hiện: Dự án Nhà máy xử lý CTRSH tại thành phố Hội An do Công ty Cổ phần Đầu tư Môi trường và Phát triển Năng lượng DMC-579 Quảng Nam đầu tư với vốn đăng ký đầu tư khoảng 490 tỷ đồng; Dự án Nhà máy xử lý CTRSH Bắc Quảng Nam do Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị TDH Ecoland, Công ty Cổ phần Phát triển Sản xuất và Xuất nhập khẩu Huy Hoàng và Công ty Cổ phần Môi trường Huy Hoàng Eco đầu tư với vốn đăng ký đầu tư khoảng 523 tỷ đồng.

²⁴ Xây dựng và chia sẻ mô hình không chất thải tại các cộng đồng châu Á được lựa chọn do Tổ chức GAIA Philippines, trong Chương trình tái chế chất thải đô thị (MWRP) – USAID – Mỹ tài trợ thông qua Trung tâm Bảo tồn đa dạng sinh học Nước Việt Xanh (Trung tâm Green Việt) theo Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam; Tăng cường quản lý chất thải rắn đô thị nhằm giảm thiểu quá trình phát sinh khí gây biến đổi khí hậu Việt Nam (VnSWM) do Liên đoàn các Đô thị Canada (FCM) tài trợ theo Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam.

chuyển hạng Khu Bảo tồn thiên nhiên Sông Thanh thành Vườn quốc gia; phê duyệt Dự án bảo tồn quần thể Voọc chà vá chân xám tại xã Tam Mỹ Tây, huyện Núi Thành, Dự án thành lập Khu bảo tồn thiên nhiên Cù Lao Chàm.

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Việc đầu tư hạ tầng kỹ thuật BVMT tại các Khu, CCN đang hoạt động chưa đạt chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội. Công tác điều tra, khảo sát, xây dựng cơ chế bảo vệ môi trường tại các làng nghề có nguy cơ gây ô nhiễm chưa được triển khai thực hiện. Công tác phân loại CTR hiện chưa đạt hiệu quả cao. Tỷ lệ hộ dân tham gia nộp phí vệ sinh tại các địa phương trong thời gian qua chưa đạt mục tiêu và không ổn định dẫn đến thiếu hụt kinh phí để chi trả cho các tổ, đơn vị dịch vụ thu gom, vận chuyển. Tình trạng ô nhiễm môi trường từ hoạt động chăn nuôi, đặc biệt là chăn nuôi quy mô hộ gia đình xem lẫn trong khu dân cư, nhiều cơ sở hoạt động trong khu dân cư, khoảng cách chưa đảm bảo an toàn môi trường đến ranh giới khu, CCN phát sinh tiếng ồn, xả chất thải ra môi trường dẫn đến khiếu kiện vẫn còn xảy ra ở một số địa phương và chưa có giải pháp xử lý triệt để, phương án di dời;... Việc xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, công trình xử lý nước thải tập trung tại các khu đô thị mới, khu dân cư còn chậm.

Tác động tiêu cực đó, có thể do nhiều nguyên nhân. Một số tổ chức, cá nhân chưa tự giác, còn đối phó khi chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường; thói quen, tiêu dùng thiếu thân thiện, ý thức về phân loại, giảm thiểu rác thải tại nguồn còn hạn chế; Nguồn lực tài chính cho BVMT từ ngân sách tỉnh và vốn đầu tư từ các chương trình, dự án đầu tư mặc dù đã được bố trí nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu; việc huy động nguồn lực, thu hút đầu tư, xã hội hóa BVMT chưa đủ mạnh; việc quy định khoảng cách an toàn về môi trường áp dụng cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đến các công trình xây dựng, khu dân cư được Chính phủ giao Bộ Tài nguyên và Môi trường đến nay chưa được ban hành.

Năm 2022 là năm Luật Bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022, quá trình triển khai thực hiện các quy định của Luật, Nghị định của Chính phủ với nhiều nội dung, nhiệm vụ mới, quan trọng và một số quy định khi áp dụng vào thực tế vẫn còn bất cập, quy định giữa Luật, Nghị định tại một số điều khoản chưa thống nhất, dẫn đến khó khăn trong việc giải quyết hồ sơ, hướng dẫn pháp lý thực hiện cho các tổ chức, cá nhân theo yêu cầu (*một số nội dung bất cập được tổng hợp đính kèm theo Báo cáo*).

3. Một số giải pháp trong thời gian tới

Công khai minh bạch các thông tin của dự án đến cộng đồng dân cư, tăng cường công tác đối thoại, lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với các dự án đầu tư.

Nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác thẩm định, phê duyệt/xác nhận hồ sơ về môi trường, cấp giấy phép môi trường, ký quỹ phục hồi môi trường. Tăng cường công tác kiểm tra, hậu kiểm, giám sát các đối tượng/cơ sở phát sinh nguồn thải lớn, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao. Thực hiện có hiệu quả công tác thu phí nước thải, xử phạt vi phạm hành chính về môi trường. Quản lý, giám sát chặt chẽ việc ký quỹ đối với các dự án khai thác khoáng sản trên địa bàn

tính theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo cho công tác bảo vệ môi trường, cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải lớn; tăng cường các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm môi trường, các nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; chủ động giám sát các đối tượng, dự án tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm, sự cố môi trường. Duy trì, phát huy hiệu quả đường dây nóng và xử lý kịp thời các vụ việc gây ô nhiễm môi trường ngay từ cơ sở. Tăng cường công tác thanh, kiểm tra, hậu kiểm, cấp phép về môi trường.

Sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, địa phương, các phòng, đơn vị thuộc Sở; Phát huy vai trò của UBMTTQ Việt Nam các cấp, các hội, đoàn thể, tổ chức xã hội và cộng đồng trong công tác kiểm tra giám sát, tố giác tội phạm về môi trường.

VII. Công tác thanh tra pháp chế

1. Công tác thanh tra, kiểm tra

Tổng số cuộc thực hiện: 51 cuộc, 84 đơn vị, trong đó: kỳ trước chuyển sang 12 cuộc, 25 đơn vị; triển khai trong kỳ 39 cuộc, 59 đơn vị (theo kế hoạch 25 cuộc, 35 đơn vị; đột xuất 14 cuộc, 24 đơn vị). Thanh tra, kiểm tra về đất đai 20 cuộc, 22 đơn vị; thanh tra, kiểm tra về tài nguyên và môi trường 30 cuộc, 61 đơn vị; Thanh tra trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng 01 cuộc, 01 đơn vị.

- Kết quả sau thanh tra, kiểm tra:

+ Kiến nghị gia hạn thời hạn sử dụng đất 24 tháng và nộp tiền tương ứng với thời gian gia hạn đối với 04 đơn vị; kiến nghị tạm dừng khai thác khoáng sản đối với 02 đơn vị; yêu cầu 01 đơn vị lập thủ tục hoàn trả khoảng 363 ha đất cho địa phương quản lý.

+ Qua thanh tra, kiểm tra, Thanh tra Sở đã ban hành và tham mưu ban hành 28 Quyết định xử phạt VPHC với tổng số tiền 2.221.000.000 đồng đối với 26 tổ chức. Kiến nghị thu hồi số lợi bất hợp pháp 273.294.234 đồng đối với 07 tổ chức. Tính đến thời điểm báo cáo, 24 tổ chức đã chấp hành nộp phạt với số tiền 1.171.000.000 đồng, đạt tỉ lệ 53%, 07 tổ chức đã thực hiện nộp lại số lợi bất hợp pháp với số tiền 273.294.234 đồng, đạt tỉ lệ 100%. Kiến nghị thu hồi số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa: 2.284.829.820 đồng.

Ngoài ra, qua đơn đốc, trong kỳ báo cáo đã thu số tiền xử phạt vi phạm hành chính 50.000.000 đồng đối với Công ty CP đầu tư du lịch Hùng Cường (nộp tiền theo Quyết định xử phạt VPHC năm 2020).

2. Công tác tiếp dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo

Năm 2022, Sở đã tiếp 261 lượt với tổng số 301 người; đã tiếp nhận 292 đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị, trong đó: 85 đơn lưu do không đủ điều kiện xử lý, 129 đơn thuộc thẩm quyền, 78 đơn không thuộc thẩm quyền (hướng dẫn, trả lời đơn: 45 đơn; chuyển đơn: 18 đơn; đơn đốc giải quyết: 15 đơn).

Đơn thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh: Trong kỳ báo cáo, Sở tiếp nhận 15 vụ việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh (10 vụ khiếu nại, 04 vụ tranh chấp đất đai, 01 vụ tố cáo). Trong đó: 01 vụ việc khiếu nại rút đơn thông

qua giải thích, thuyết phục; Sở đã có báo cáo kết quả xác minh 15/15 vụ, đạt tỉ lệ 100%. Số vụ đã có quyết định giải quyết, kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh: 13 vụ (08 vụ khiếu nại sai, 01 quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại, 03 vụ tranh chấp, 01 kết luận nội dung tố cáo).

Sở Tài nguyên và Môi trường và Thanh tra Sở tham gia tố tụng hành chính tại Tòa án theo ủy quyền của Chủ tịch tỉnh với 12 vụ, tăng 04 vụ (33%) so với cùng kỳ năm 2021 (cùng kỳ năm 2021: 08 vụ). Văn Phòng Đăng ký đất đai tham gia xét xử, đối thoại, hòa giải tại Tòa án các cấp: 190 vụ án.

3. Công tác phòng, chống tham nhũng và tuyên truyền pháp luật

Sở văn bản quản lý, chỉ đạo về phòng chống tham nhũng đã ban hành: 17 văn bản. Số lớp tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, xử lý vi phạm hành chính được tổ chức, phối hợp: 12 lớp với khoảng 803 người tham dự.

Về kiểm soát tài sản, thu nhập: Số người đã thực hiện việc kê khai/ tổng số người phải kê khai: 88/88 người, đạt tỉ lệ 100%; Số bản được công khai niêm yết tại nơi làm việc: 88 bản; qua thời gian công khai, không phát hiện việc kê khai không trung thực.

Qua công tác thanh tra trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, Sở không phát hiện cán bộ có dấu hiệu tham nhũng. Ngoài ra, trong kỳ báo cáo, có 01 viên chức thuộc Sở đang bị điều tra về vi phạm pháp luật, hiện nay đang tạm đình chỉ công tác để chờ kết quả điều tra của cơ quan chức năng.

VII. Công tác sự nghiệp tài nguyên và môi trường

Công tác ứng dụng công nghệ thông tin được chú trọng, kịp thời triển khai thực hiện các nhiệm vụ để hỗ trợ cho công tác quản lý nhà nước: Dự án số hóa hồ sơ địa chính từ dạng giấy sang dạng số tại thị xã Điện Bàn; Xây dựng phương án số hóa hồ sơ địa chính huyện Tiên Phước, Phú Ninh. Tiếp tục hoàn thiện thực hiện dự án xây dựng Hệ thống thông tin đất đai Quảng Nam; triển khai phần mềm quản lý giao dịch điện tử hồ sơ đất đai Liên thông điện tử với Dịch vụ công tỉnh, Thuế tại Tam Kỳ.

Trình thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình của Dự án tạo lập, phát triển, khai thác quỹ đất tại khối phố 2, phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn, đang tổ chức lập hồ sơ mời thầu, lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình; lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt Dự án khu dân cư thôn Nghĩa Hòa, xã Bình Nam.

Trung tâm Phát triển Quỹ đất đã thực hiện khảo sát, điều tra 125 khu đất với tổng diện tích 167.220 m² trên địa bàn 06 huyện, thị xã, thành phố gồm Thăng Bình (12 khu), Điện Bàn (29 khu), Hội An (15 khu), Đại Lộc (17 khu), Quế Sơn (28 khu), Duy Xuyên (24 khu). Qua đó, đề nghị thu hồi 31 khu đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo quy định của pháp luật để đưa vào khai thác sử dụng các khu đất của các tổ chức, đơn vị có đất nhưng đã giải thể, sáp nhập, chuyển đi nơi

khác, giảm hoặc không còn nhu cầu sử dụng tại các huyện Quế Sơn, Duy Xuyên, Đại Lộc với tổng diện tích là 25.645,3 m²; đề nghị thống nhất chủ trương, chỉ đạo để lập thủ tục thu hồi 27 khu đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo quy định của pháp luật tại huyện Thăng Bình và thị xã Điện Bàn với tổng diện tích là 18.937,4 m². Triển khai thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với 20 dự án trên địa bàn 08 huyện, thị xã, thành phố, trong đó có 12 dự án chuyển tiếp từ các năm trước và 08 dự án triển khai mới. Tổng diện tích đất phải bồi thường, giải phóng mặt bằng là 312,3 ha với khoảng 1.205 hộ bị ảnh hưởng.

Đề nghị phê duyệt 48 phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư với diện tích 91,06 ha, tổng kinh phí đề nghị phê duyệt là 114,13 tỷ đồng. Tổng số phương án được phê duyệt đến thời điểm hiện nay là 35 phương án, diện tích 48,12 ha, tổng kinh phí được phê duyệt 64,93 tỷ đồng.

Thực hiện nhiệm vụ quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh năm 2022 với tổng đợt quan trắc trong năm là 12 đợt (mỗi tháng thực hiện 01 đợt) với 29 điểm quan trắc không khí xung quanh, 40 điểm quan trắc nước mặt sông, hồ, 20 điểm nước ngầm, 6 điểm nước biển ven bờ, 5 điểm quan trắc đất, 6 điểm trầm tích. Phối hợp lấy mẫu phân tích môi trường phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra 25 đợt theo yêu cầu của Sở và các Ban, ngành. Giám sát theo dõi chất lượng môi trường cho 70 đơn vị sản xuất kinh doanh.

B. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC NĂM 2023

1. Xây dựng, tham mưu HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật đúng trình tự, thủ tục và quy định pháp luật. Kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

2. Tiếp tục lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của đơn vị, tăng cường thực hiện công tác cải cách hành chính theo tinh thần Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy Quảng Nam về đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 20/12/2021 của Tỉnh ủy Quảng Nam về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, kiện toàn tổ chức bộ máy giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030. Triển khai kịp thời, hiệu quả thực hiện Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 17/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về “Đề án Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025”; Quyết định số 2768/QĐ-UBND ngày 09/10/2020 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng Công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025” và Kế hoạch 6124/KH-UBND ngày 19/10/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam về triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Tiếp tục triển khai phân hệ “Quản lý giao dịch điện tử hồ sơ đất đai” thuộc hệ thống thông tin đất đai (LIS) cho 18 Chi nhánh VPĐK đất đai huyện, TX, TP; Kết nối liên thông thuế, một cửa hành chính công cấp huyện, tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trên Cổng dịch vụ công Quốc gia. Dữ liệu phân hệ này được liên thông, chia sẻ với hệ thống báo cáo tỉnh (LRIS), IOC... Hoàn chỉnh

CSDL nền thông tin địa lý, Công thông tin địa lý dùng chung. Tiếp tục thực hiện Dự án số hóa hồ sơ địa chính từ dạng giấy sang dạng số tại thị xã Điện Bàn, mở rộng cho các huyện: Duy Xuyên, Tiên Phước, Phú Ninh...

3. Tham mưu UBND tỉnh: ban hành Quyết định về Quy định hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; lập Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thời kỳ 2021-2025 trình Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan để hoàn thiện hồ sơ Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

4. Rà soát các khu vực đã hết thời gian khai thác khoáng sản để có biện pháp đôn đốc doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đóng cửa mỏ. Kiểm tra, theo dõi, báo cáo tiến độ triển khai thực hiện công tác đóng cửa mỏ vàng Bông Miêu. Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm khai thác cát, sỏi lòng sông.

5. Thực hiện công tác Điều tra cơ bản tài nguyên nước theo Kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt. Tiếp nhận dữ liệu giám sát tài nguyên nước của các đơn vị, tổ chức khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Phối hợp với BCH PCTT&TKCN tỉnh, các Sở, ngành, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch lắp đặt các trạm KTTV chuyên dùng, theo Kế hoạch Phát triển mạng lưới KTTV chuyên dùng giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh. Triển khai rà soát việc lắp đặt các trạm đo mưa chuyên dùng của các chủ hồ chứa thủy điện trên lưu vực Vu Gia - Thu Bồn để kiến nghị lắp đặt bổ sung theo đúng mật độ quy định.

Xây dựng dự toán kinh phí trình cấp thẩm quyền phê duyệt để thực hiện cắm mốc hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng trong công tác quản lý tài nguyên nước, vùng bờ theo Chương trình hợp tác, phát triển giữa tỉnh Quảng Nam và TP. Đà Nẵng giai đoạn 2022 - 2025. Thực hiện khảo sát sự nhay cảm của đường bờ biển theo Kế hoạch; tổ chức tập huấn nâng cao năng lực về quản lý biển và hải đảo cho cán bộ làm công tác quản lý biển, đảo các huyện, thị xã, thành phố ven biển. Tham mưu tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Danh mục đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 21/9/2020 Kế hoạch hành động ứng phó với Biến đổi khí hậu của tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 2724/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 Kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

6. Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2023, trong đó tập trung thanh tra, kiểm tra về đất đai đối với các dự án chậm tiến độ sử dụng đất theo quy định của pháp luật; thanh tra, kiểm tra đột xuất theo yêu cầu của cấp trên. Tổ chức hoặc phối hợp với các đơn vị liên quan tham gia tuyên truyền pháp luật về tài nguyên và môi trường, khiếu nại, tố cáo liên quan đến lĩnh

vực ngành quản lý cho cán bộ, công chức của Sở, cấp huyện, cấp xã và nhân dân địa phương.

7. Công tác sự nghiệp môi trường:

Đẩy mạnh thực hiện đầu tư các dự án tạo lập, phát triển quỹ đất, đầu tư kết cấu hạ tầng trên đất, để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, tạo lập quỹ đất để phục vụ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng; tiếp tục làm việc với các chủ đầu tư để hợp đồng thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án khác trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục theo dõi Hệ thống truyền lưu trữ dữ liệu quan trắc môi trường tự động liên tục. Đẩy mạnh công tác quan trắc giám sát, phân tích môi trường phát huy hiệu quả các trang thiết bị máy móc được đầu tư để thực hiện nhiệm vụ được giao. Hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu nền thông tin địa lý, Cổng thông tin địa lý dùng chung đã thử nghiệm và tổ chức lấy ý kiến và công bố các dịch vụ cơ sở dữ liệu nền địa lý cho các Sở ban ngành trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục thẩm định hồ sơ trích đo của các đơn vị tư vấn đang thực hiện tại thị xã Điện Bàn, huyện Duy Xuyên, Quế Sơn, Phú Ninh và trích đo địa chính của các tổ chức và hộ gia đình cá nhân trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu.

8. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến các Dự án xử lý CTR trên địa bàn tỉnh, Đề án quản lý CTR, đóng cửa khu xử lý rác Đại Hiệp, kế hoạch phân loại CTR tại nguồn, thực hiện phương án thí điểm quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Hội An.

Tổ chức xây dựng và tham mưu trình UBND tỉnh ban hành kế hoạch quản lý chất lượng không khí tỉnh Quảng Nam đến năm 2025; Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt tỉnh Quảng Nam đến năm 2025; Nghiên cứu điều tra, đánh giá hiện trạng đất ngập nước, môi trường sinh thái đa dạng sinh học vùng hạ lưu sông Thu Bồn và Sông Trường Giang.

KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

1. Có văn bản hướng dẫn, thống nhất một số nội dung còn vướng mắc, bất cập (được nêu cụ thể tại danh mục đính kèm) trong việc triển khai thực hiện Luật BVMT năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ khi áp dụng vào thực tế, hướng dẫn lập thủ tục, hồ sơ pháp lý về môi trường cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và cấp phép về môi trường.

2. Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý về cấp Bộ cho đồng bộ, thống nhất quản lý giữa Bộ ngành liên quan trong công tác quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học. Tiếp tục hướng dẫn chuyên môn về công tác quản lý môi trường, tiếp cận các văn bản quy phạm, quy chuẩn mới ban hành và bảo tồn đa dạng sinh học cho cơ quan quản lý tại địa phương.

3. Quan tâm, tiếp tục hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng hệ thống XLNT tại các CCN, làng nghề ô nhiễm và xử lý, khắc phục các điểm tồn hóa chất BVTV, cũng như hỗ trợ tỉnh Quảng Nam trong việc huy động, tiếp cận các nguồn vốn,

nguồn đầu tư trong và ngoài nước cho công tác bảo tồn và thực hiện các dự án, đề án về đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.

4. Sớm ban hành quy chuẩn kỹ thuật về quy định khoảng cách an toàn về môi trường áp dụng cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đến các công trình xây dựng, khu dân cư và một số nhiệm vụ được Chính phủ giao Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành, hướng dẫn chi tiết để các địa phương có cơ sở triển khai thực hiện.

5. Đối với một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền ban hành, quyết định của UBND cấp tỉnh được quy định tại Luật Bảo vệ môi trường như: Quyết định ban hành lộ trình và chính sách hỗ trợ thu gom, xử lý tại chỗ nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình tại các khu dân cư không tập trung và trong đô thị, khu dân cư tập trung trong trường hợp không bố trí được quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải (quy định tại điểm c và d khoản 5 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020), Quyết định ban hành quy định khu vực, điểm đổ thải, nhận chìm đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển (quy định tại khoản 6 Điều 65 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020), xét thấy đây là các nhiệm vụ khó, phức tạp, cần có quy định, hướng dẫn cụ thể từ các văn bản Trung ương, Bộ ngành liên quan. Do đó, kính đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể về nội dung này.

Trên đây là báo cáo đánh giá kết quả thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam, kính báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ TNMT (b/cáo);
- UBND tỉnh (b/cáo);
- Lưu : VT, VP (H).

GIÁM ĐỐC

Tổng hợp một số nội dung vướng mắc trong quá trình thi hành Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
(Đính kèm Báo cáo số: 791/BC-STNMT ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

TT	Nội dung	Điều, khoản	Đề nghị hướng dẫn cụ thể:
I	Luật Bảo vệ môi trường 2020		
1	Nội dung quy định: “ <i>Văn bản xác nhận đề án BVMT đơn giản, bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, cam kết BVMT, kế hoạch BVMT đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành là văn bản tương đương với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM khi xem xét, cấp giấy phép về môi trường</i> ”	Tại khoản 2 Điều 171	Thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường đối với một số Cơ sở đã đi vào hoạt động có Kế hoạch BVMT thuộc thẩm quyền xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường; trước đây được Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường cấp Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn về môi trường. Lý do: Khi đối chiếu quy định tại khoản 2 Điều 171 của Luật BVMT và Điều 41 của Luật Bảo vệ môi trường quy định thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường có sự bất cập, chưa rõ ràng, cụ thể: tại Điều 41 chỉ quy định đối với Bộ TNMT cấp Giấy phép (do Bộ thẩm định, phê duyệt ĐTM); Bộ Công An, Bộ Quốc phòng cấp Giấy phép dự án/cơ sở thuộc bí mật nhà nước quốc phòng, an ninh; UBND cấp tỉnh cấp Giấy phép (do ĐTM tỉnh hoặc các Bộ, cơ quan ngang Bộ phê duyệt) và cấp huyện cấp Giấy phép (ngoại trừ do cấp Bộ, cấp tỉnh phê duyệt).
2	Nội dung quy định: Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động trước ngày Luật có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 39	Khoản 2 Điều 39	Hướng dẫn cụ thể việc xác định tiêu chí về môi trường của đối tượng này phải đối chiếu theo tiêu chí phân loại nhóm I, nhóm II, nhóm III (theo Điều 28 của Luật) hay theo tiêu chí cấp thẩm quyền đã phê duyệt/xác nhận hồ sơ môi trường của cơ sở? Vì nội dung này đang vướng mắc về hướng dẫn thẩm quyền cấp Giấy phép theo nội dung bất cập nêu trên và thẩm quyền quy định cấp Giấy phép đối với nhóm I, II, III.
II	Nghị định số 08/2022/NĐ-CP		
1	Dự án thủy điện có công suất dưới 20MW	Mục IV, STT 10, Phụ lục III	Hướng dẫn cụ thể việc lập thủ tục môi trường đối với đối tượng này.
2	Dự án khai thác khoáng sản, dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước	Mục III, STT 9, Phụ lục IV	Các đối tượng này có xét thêm điều kiện có “yếu tố nhạy cảm về môi trường” hay không?

			<p>- Lý do: Tại điểm d khoản 4 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định: “<i>Dự án khai thác khoáng sản, tài nguyên nước với quy mô, công suất trung bình hoặc quy mô, công suất nhỏ nhưng có yếu tố nhạy cảm về môi trường</i>”. Trong khi Phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ là danh mục cụ thể hóa các đối tượng điểm d khoản 4 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường 2020 chỉ xác định về quy mô, công suất đối với Dự án khai thác khoáng sản, tài nguyên nước thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép của UBND cấp tỉnh nhưng không xác định tiêu chí có hay không các yếu tố nhạy cảm về môi trường (và nội dung này chưa thống nhất đối với một số đối tượng tại STT 3, 4 trong cùng Phụ lục IV có xét đến yếu tố nhạy cảm về môi trường).</p> <p>Và xét thấy đối với các dự án tại Mục III, STT 9, Phụ lục IV về khai thác tài nguyên nước việc xác định quy mô, công suất theo thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường còn bất cập đối với dự án có khai thác, sử dụng nước ngầm từ 10 m³/ngày đêm trở lên thuộc đối tượng xin cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước ngầm của UBND cấp tỉnh), chưa phù hợp khi xét về tiêu chí dự án có phát sinh nước thải từ 500 đến dưới 3.000 m³/ngày đêm đối với đối tượng khai thác khoáng sản, khai thác, sử dụng tài nguyên nước (được quy định tại Mục III, STT 9, Phụ lục IV của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).</p>
3	<p>Đối tượng quy định phải cấp Giấy phép về môi trường đối với các Dự án nhóm C có phát sinh nước thải trường hợp dự án nằm trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc cụm công nghiệp đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về nước thải <i>thì phải xử lý theo yêu cầu của chủ đầu tư hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp. Nội dung này có thể hiểu rằng: “Các dự án thứ cấp phải xử lý nước thải theo tiêu chuẩn đầu nối vào hệ thống XLNT tập trung của Khu, CCN phải thực</i></p>	<p>Tại Số TT 2 Mục II Phụ V</p>	<p>Đề nghị thống nhất chỉnh sửa nội dung này cho phù hợp với đối tượng phải cấp Giấy phép về môi trường theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (trường hợp không xả thải ra môi trường trong giai đoạn vận hành chính thức thì không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép về môi trường).</p>

	hiện cấp Giấy phép về môi trường đối với tiêu chuẩn đầu nổi nước thải”.		
4	Danh mục dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được miễn đăng ký môi trường đối với đối tượng “ <i>Dịch vụ thương mại, buôn bán lưu động, không có địa điểm cố định</i> ”:	Phụ lục số XVI tại STT 3	Đề nghị bổ sung hướng dẫn lập hồ sơ môi trường cho đối tượng “dịch vụ tàu buôn bán xăng dầu lưu động trên sông, trên biển (Trong khi, đây là loại hình tiềm ẩn nhiều nguy cơ cháy nổ, sự cố tràn dầu gây ô nhiễm môi trường sông, biển,...).
5	Liên quan đến đối tượng được miễn đăng ký môi trường, trong đó có quy định: “ <i>Dự án đầu tư khi đi vào vận hành khi đi vào vận hành và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát sinh nước thải dưới 05 m³/ngày, khí thải dưới 50 m³/giờ được xử lý bằng công trình thiết bị xử lý tại chỗ hoặc được quản lý theo quy định của chính quyền địa phương</i> ”	Tại khoản 2 Điều 32	Theo định nghĩa giải thích từ ngữ từ Điều 3 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì <i>Công trình, thiết bị xử lý chất thải tại chỗ là các công trình, thiết bị được sản xuất, lắp ráp sẵn hoặc được xây dựng tại chỗ để xử lý nước thải, khí thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình; công viên, khu vui chơi, giải trí, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, chợ, nhà ga, bến xe, bến tàu, bến cảng, bến phà và khu vực công cộng khác; hộ gia đình, cá nhân có phát sinh nước thải, khí thải phải xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.</i> Nội dung quy định tại khoản 2 Điều 32 áp dụng cho dự án/cơ sở; trong khi định nghĩa tại Điều 3 thì công trình Công trình, thiết bị xử lý chất thải tại chỗ áp dụng cho cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình.
6	Quy định tiến trình thẩm định cấp Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đã thi công hoàn thành Dự án.	Tại điểm c khoản 4 Điều 29	Đề nghị xem xét, bổ sung quy định về công tác kiểm tra thực tế cho các đối tượng này. Lý do: Quá trình lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo ĐTM được thực hiện trong giai đoạn đề xuất/lập dự án của Chủ đầu tư (chưa qua bước thẩm định, phê duyệt thiết kế cơ sở các hạng mục công trình), do đó trong quá trình thẩm định thiết kế, cấp phép xây dựng và triển khai xây dựng Dự án có sự thay đổi, điều chỉnh các nội dung hạng mục công trình của Dự án.
7	Xử lý vi phạm hành chính đối với Dự án đang thực hiện vận hành thử nghiệm trong trường hợp đo đạc, phân tích mẫu vượt quy chuẩn.	Tại điểm b, khoản 10 Điều 31	Đề xuất xem xét không thực hiện xử lý vi phạm Lý do: vận hành thử nghiệm phải phù hợp vì mục đích của việc vận hành thử nghiệm để hiệu chỉnh hiệu quả các công trình xử lý chất thải của các dự án.
8	Nội dung quy định đối với tổ chức, cơ sở có phát sinh chất thải từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng với tổng khối lượng dưới 300 kg/ngày được lựa	Tại Điều 75 của Luật	Làm rõ sự khác nhau cơ bản giữa 2 hình thức này là gì và cơ sở để xác định khối lượng dưới 300 kg/ngày?

	chọn hình thức quản lý chất thải rắn sinh hoạt như hộ gia đình, cá nhân quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường hoặc quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 58.	BVMT và tại khoản 2 Điều 58	
9	Theo quy định thời hạn hoàn thành lắp đặt và kết nối dữ liệu quan trắc tự động, liên tục đối với dự án, cơ sở chậm nhất là ngày 31/12/2024 (đối với nước thải là Cột 4 Phụ lục 28, khí thải là Cột 5 Phụ lục 29).	Tại điểm a khoản 4 Điều 97 và điểm a khoản 5 Điều 98	Lý do: Việc quy định thời hạn quá dài sẽ khó khăn trong công tác kiểm soát chất thải của các doanh nghiệp khi xả thải. Đề nghị xem xét, hướng dẫn thêm. Hiện nay, một số doanh nghiệp áp dụng thời hạn này, đã chây ì việc hoàn thành lắp đặt (dù đã gần xong theo thời hạn 31/12/2021 của Nghị quyết số 129 của Chính phủ gia hạn so với Nghị định số 40) hoặc chủ động tháo dỡ hệ thống quan trắc tự động. Hoặc một số doanh nghiệp đã lắp đặt và kết nối hệ thống về Sở thì bị sự cố (do khách quan hoặc chủ quan), mặc dù có văn bản yêu cầu thực hiện nhưng một số doanh nghiệp áp dụng quy định thời hạn mới tại NĐ 08 mới hoàn thành lắp đặt.
10	Chỉnh sửa cụm từ “ <i>thì được miễn quan trắc nước thải định kỳ</i> ” thành “ <i>thì được miễn quan trắc khí thải định kỳ</i> ”	Tại điểm c, khoản 5, Điều 98	

Phụ lục 01: Kết quả tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính trong ngành tài nguyên và môi trường*

STT	Nội dung	Tổng số hồ sơ	Hình thức tiếp nhận và giải quyết			Kết quả xử lý	
			Trực tiếp	Trực tuyến	Thanh toán điện tử	Đúng hạn	Quá hạn
1	Lĩnh vực đất đai (Chi cục)	290	290			282	8
2	Lĩnh vực đo đạc và bản đồ	127	127			127	
3	Lĩnh vực khoáng sản	61	0	61	0	61	0
4	Lĩnh vực tài nguyên nước	33	0	33		28	0
5	Lĩnh vực môi trường	345	73	277		287	1
6	Lĩnh vực biển và hải đảo	0					
	Tổng số	856	490	371	0	785	9

* Số liệu bao gồm cả của cấp tỉnh và cấp huyện

Phụ lục số 02: Nguồn thu từ tài nguyên và môi trường đóng góp vào Ngân sách Nhà nước

STT	Nội dung	Kết quả thực hiện	
		Tổng thu (Trđồng)	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN địa phương (%)
1	Lĩnh vực đất đai		
2	Lĩnh vực khoáng sản		
3	Lĩnh vực tài nguyên nước		
4	Lĩnh vực môi trường		
5	Lĩnh vực biển và hải đảo		
6	Lĩnh vực khí tượng thủy văn		
7	Lĩnh vực đo đạc và Bản đồ		
8	Thu từ cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực TN&MT		
	Tổng số		

Phụ lục 03: Kết quả thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra

STT	Nội dung	Số lượng	Kết quả giải quyết				Hình thức xử lý khác
			Thu hồi đất (ha)	Thu hồi giấy phép	Xử phạt vi phạm hành chính (trồng)	Truy thu nghĩa vụ tài chính (trồng)	
1	Kết quả công tác thanh tra						
-	Lĩnh vực đất đai	14	363		183	11,53	Kiến nghị gia hạn thời hạn sử dụng đất 24 tháng và nộp tiền tương ứng với thời gian gia hạn đối với 03 đơn vị; kiến nghị thu hồi quyết định giao đất, cho thuê đất đối với 01 đơn vị. Kiến nghị thu hồi số tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa là 2.284.829.820 đồng
-	Khoáng sản						
-	Tài nguyên nước						
-	Môi trường						
-	Biển và hải đảo						
-	Kết hợp nhiều lĩnh vực	5			114	2,2	
-	Thanh tra trách nhiệm trong PCTN	1					
2	Kết quả công tác kiểm tra						
-	Lĩnh vực đất đai	2					
-	Khoáng sản						
-	Tài nguyên nước						
-	Môi trường	68					Nhắc nhở thực hiện lập hồ sơ xin cấp phép môi trường hoặc đăng ký theo quy định (đối với công tác kiểm tra)
-	Biển và hải đảo						
-	Kết hợp nhiều lĩnh vực	17			1.805	259,57	Kiến nghị tạm dừng khai thác khoáng sản đối với 02 đơn vị
3	Tổng số	107	363		2.102	273,3	

Phụ lục 04: Kết quả thực hiện công tác giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo

STT	Nội dung	Số lượng đơn thư tiếp nhận năm 2022		Số lượng đơn thư còn tồn đọng từ các năm trước	Tổng số đơn thư phải xử lý lũy kế đến 2022	Kết quả giải quyết		Số lượt tiếp công dân
		Số lượng	Đơn phải xử lý			Số lượng	Chuyển cấp có thẩm quyền	
	Tổng số	306	221	19	240	278	38	261
-	Lĩnh vực đất đai	266	181	19	200	258	11	255
-	Khoáng sản							4
-	Tài nguyên nước							
-	Môi trường	40	40	0	40	20	27	2
-	Biển và hải đảo							

* Số liệu bao gồm cả của cấp tỉnh và cấp huyện

Phụ lục số 05: Kết quả giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cấp GCN

STT	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)		
		Tổng	Sử dụng vào mục đích nông nghiệp	Vào mục đích phi nông nghiệp
I	Giao đất không thu tiền sử dụng đất	77	154,85	
II	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	40	115,55	
III	Cho thuê đất	68	288,19	
IV	Cho phép chuyển mục đích từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp	3	51,1863	
1	Đất trồng lúa		0,0036	
2	Đất rừng		46,3153	
2.1	Rừng phòng hộ		4,871	
2.2	Rừng đặc dụng		0	

* Số liệu bao gồm cả của cấp tỉnh và cấp huyện

Phụ lục 06: Kết quả cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai

STT	Chỉ tiêu	Lũy kế đến thời điểm báo cáo năm 2022			Trong đó: cấp trong năm 2022		Ghi chú
		Diện tích cần phải cấp giấy	Diện tích đã hoàn thành cấp giấy	Số giấy chứng nhận đã cấp	Diện tích cấp mới lần đầu	Số giấy cấp mới lần đầu	
1. Kết quả cấp giấy chứng nhận							
	Đất nông nghiệp						
	Đất phi nông nghiệp						
	Trong đó: Đất ở						
Kết quả xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai							
STT	Chỉ tiêu	Số huyện lũy kế đến thời điểm báo cáo năm 2022					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó: Đã kết nối với dữ liệu dân cư	Đã cung cấp dịch vụ công	Kết nối liên thông với Thuế và tổ chức tín dụng		
1	đơn vị hành chính cấp huyện đã hoàn thành và đưa vào vận hành						
	Đã đưa vào khai thác trong quản lý và cung cấp dịch vụ công						
	Dự kiến hoàn thành trong năm 2022						
2	Số đơn vị hành chính cấp huyện đang triển khai						

Phụ lục 07: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về môi trường cấp tỉnh

STT	Chỉ số	Đơn vị tính	Kết quả		Tăng, giảm so với năm 2021	Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ (%)		
1	Số đô thị (loại IV trở lên) có hệ thống xử lý nước thải tập trung	Đô thị	2	50		Không thay đổi so với năm 2021
2	Số khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có hệ thống xử lý nước thải tập trung	Khu	7	87,5	Tăng 01 KCN	KCN Tam Thăng 2 hoạt động từ năm 2022
3	Số nguồn thải có hệ thống quan trắc tự động liên tục	Cơ sở	18		Tăng 04 cơ sở	14 trạm nước thải, 04 trạm khí thải
	Trong đó, số KCN, KCX, KCNC có hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục	Khu	6	75	Tăng 01 KCN	Tăng thêm là KCN Tam Thăng 2 đã kết nối dữ liệu về Sở và được Sở xác nhận
4	Cụm công nghiệp có kết nối hạ tầng thu gom và xử lý nước thải tập trung	Cụm	2	3,92	Không thay đổi	CCN An Lưu và CCN Trường Xuân
5	Số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hoàn thành xử lý triệt để	Cơ sở	7	100	Tăng 01 cơ sở	Bệnh viện y học cổ truyền đưa ra khỏi danh mục trong năm 2022
6	Chất thải rắn phát sinh trên địa bàn					
6.1	Chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh	Tấn				
	Trong đó, được xử lý thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	Tấn	139.761	97		Số liệu ước tính tăng 5% khối lượng so với năm 2021 (vì chưa có số liệu báo cáo năm 2022 của các địa phương, đơn vị)
	Được xử lý theo hình thức xử lý, tái chế, đốt rác phát điện, công nghệ sinh học.	Tấn	36.514			
6.2	Chất thải rắn sinh hoạt nông thôn	Tấn				
	Trong đó, được xử lý thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	Tấn	136.407	80		
	Được xử lý theo hình thức xử lý, tái chế, đốt rác phát điện, công nghệ sinh học.	Tấn	18.524			

7	Số lượng các trạm quan trắc nước thải/khí thải tự động, liên tục	Trạm	18		Tăng 04 trạm	14 trạm nước thải, 04 trạm khí thải
8	Số lượng vụ việc vi phạm pháp luật về môi trường đã phát hiện và được xử lý	Vụ việc	65			Tổng số tiền xử phạt 1.797.500.000 đồng
	Trong đó: Giải quyết vụ việc được phản ánh thông qua đường dây nóng về môi trường	Vụ việc				
	Số lượng vụ việc được phản ánh, kiến nghị	Vụ việc	7		Giảm 143 vụ	Năm 2021 nhận được 150 vụ từ đường dây nóng
	Số lượng vụ việc đã được giải quyết dứt điểm	Vụ việc	6	85,71		Nhà máy sản xuất thép Thanh Thạnh tại KCN Đông Quê Sơn chưa có báo cáo kết quả
9	Số huyện đạt tiêu chuẩn về môi trường nông thôn mới	huyện	4	22,22		Không thay đổi so với năm 2021
10	Công tác bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học					
10.1	Khu Bảo tồn					
	Số lượng	Khu	8		Không thay đổi so năm 2021	
	Diện tích	Ha	156.830,45			
10.2	Di sản thiên nhiên					
	Số lượng	Khu	9		Không thay đổi so năm 2021	
	Diện tích	Ha	190.305,45			
10.3	Hành lang đa dạng sinh học					
	Số lượng	Khu	1		Không thay đổi so năm 2021	
	Diện tích	Ha	122.938,30			
10.4	Cơ sở bảo tồn					
	Số lượng	Khu	0			
	Diện tích	Ha				

Phụ lục 08: Kết quả giao khu vực biển

Mục đích sử dụng	Tổng diện tích giao khu vực biển (ha)	Thẩm quyền giao khu vực biển		
		Thủ tướng Chính phủ	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Địa phương
An ninh, quốc phòng				
Khai thác điện gió ngoài khơi				
Thực hiện dự án cảng biển, logistic				
Nuôi trồng thủy sản				
Mục đích khác				
Tổng				